TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:688/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2019
V/v *Tranh chấp:"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH TIỀN GIANG
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Thành Trại
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông -Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 547/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp:"Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Tô Thị Mộng T, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T H T, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

**Bị đơn*: Nguyễn Tấn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cư trú: Ấp T X, xã T H Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị Mộng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/02/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2013 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 15/12/2013, con hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Tấn T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi Tòa án.

Tại phiên tòa, Chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về chấp hành qui định của pháp luật tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng qui định, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định về quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T xin ly hôn với anh T. Về con chung: Giao Chị T tiếp tục nuôi con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Tô Thị Mộng T và anh Nguyễn Tấn T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2013, được Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/2013 ngày 18/02/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp và anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, anh chị đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị T là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2013 đến nay. Anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gởi tòa án, chứng tỏ anh không có thiện chí đoàn tụ với

Chị T, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 15/12/2013, Chị T yêu cầu được nuôi con. Xét con chung hiện đang sống với Chị T, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của con cần để Chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tô Thị Mộng T

Về hôn nhân: Chị Tô Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 15/12/2013 cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 01083 ngày 29/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Chị T đã nộp xong án phí.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà